

Số: 4895/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Ba Vì.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2018; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2018 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2018; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2018 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7352/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 10/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Ba Vì đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 như sau:

1. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Ba Vì là: 08 dự án với diện tích 307,58 ha; số dự án đủ điều kiện để đăng ký điều chỉnh địa điểm, diện tích, tên dự án là: 03 dự án với diện tích 50,19 ha. (Danh mục kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2018, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		42.300,49
1	Đất nông nghiệp	NNP	28.026,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.416,09
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	6.163,48
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.252,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.044,59
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,50
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	6.103,62

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.883,94
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.139,93
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	100,87
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	14.248,16
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.498,15
2.2	Đất an ninh	CAN	74,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,82
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	85,02
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	376,21
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.632,95
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	16,11
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	125,32
2.9	Đất ở nông thôn	ONT	1.726,63
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	98,77
2.11	Đất xây dựng trụ cơ quan	TSC	89,33
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,36
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	23,67
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	574,18
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	25,15
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,22
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,73
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	27,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.513,3
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.340,50
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	15,32
3	Đất chưa sử dụng	CSD	26,26

3. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP Phạm Chí Công, P.ĐT;
- Lưu VT. (18)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN BA VÌ

(Kèm theo Quyết định số 4895/QĐ-UBND ngày 17/19/2018 của UBND Thành phố)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Chủ đầu tư	Diện tích (Ha)	Trong đó diện tích: (ha)		Vị trí		Cơ sở pháp lý (có bản sao gửi kèm theo)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (rừng)	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã		
I	DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG									
1.	Dự án điều chỉnh địa điểm, diện tích, tên dự án									
1.1	Dự án đường tránh QL32	DGT	UBND huyện Ba Vì	8.00	6.5	2.23	Ba Vì	TT. Tây Đằng	QĐ số 5195/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND Thành phố phê duyệt dự án đầu tư đường tránh QL 32	Đã thu hồi 5.77 ha; thay đổi diện tích dự án
1.2	Dự án Xây dựng đường hành lang chân đê hữu Đả, hữu Hồng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA đầu tư XDCT nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	40.04		39.2	Ba Vì	Phong Vân, Cổ Đô, Phú Cường, Tân Hồng, Châu Sơn, Phú Phương, Phú Châu, Thị trấn Tây Đằng, Chu Minh, Đông Quang, Cam Thượng, Thuần Mỹ, Sơn Đả, Tông Bạt	QĐ 5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt dự án đầu tư; QĐ số 1123/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 của UBND huyện Ba Vì về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường GPMB	Đã thu hồi theo giai đoạn; bổ sung địa danh xã
1.3	Gia cố Kè chống sạt lở bờ hữu sông sông Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	DTL	Ban QLDA đầu tư XDCT nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	2.15		2.15	Ba Vì	Chu Minh, Đông Quang	QĐ 5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt dự án đầu tư; QĐ số 1123/QĐ-UBND ngày 25/10/2011 của UBND huyện Ba Vì về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường GPMB	Bổ sung địa danh xã
2	Bổ sung mới kế hoạch sử dụng đất năm 2018									
2.1	Nâng cấp, cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn	DNL	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	2.5		1.3	Ba Vì	Tân Lĩnh	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 827/QĐ-UBND ngày 21/2/2018 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định giao chủ đầu tư số 2849/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND thành phố Hà Nội	Bổ sung mới

TT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Chủ đầu tư	Diện tích (Ha)	Trong đó diện tích: (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý (có bản sao gửi kèm theo)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (rừng)	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã		
2.2	Vườn sinh thái Mây xứ Đoài	SKC	Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Quảng Long	6	6		Ba Vi	Cam Thượng	Văn bản số 1727/VP-ĐT ngày 12/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.	Bổ sung mới
2.3	Dự án khí hóa rác thải sinh hoạt thành điện năng, công suất 500 tấn/ngày tại Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn trên địa bàn thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vi	RAC	Công ty TNHH Indovin Power	6.5			Ba Vi	Tân Lĩnh	Quyết định chủ trương đầu tư số 2994/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	Bổ sung mới, không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất
2.4	Dự án xử lý rác thải thu hồi điện Xuân Sơn	RAC	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T, Hirachi Zosen Corporation	2.97			Ba Vi	Tân Lĩnh	Quyết định chủ trương đầu tư số 2990/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	Bổ sung mới, không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất
2.5	Mỏ Cổ Đô	SKS		156.62			Ba Vi	Phú Cường	Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội	
2.6	Mỏ Thanh Chiểu	SKS		33.48			Ba Vi	Phú Cường	Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội	
2.7	Mỏ Châu Sơn	SKS		16.93			Ba Vi	Châu Sơn	Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội	
2.7	Mỏ Tây Đằng - Minh Châu	SKS		82.58			Ba Vi	TT Tây Đằng, xã Minh Châu, Chu Minh	Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội	
Tổng điều chỉnh, bổ sung (1+2)				357.770	12.500	44.880				